CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe

Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

2. Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe[1].

---

[1] Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.".

Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.".

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ sở đào tạo lái xe ô tô, trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động có liên quan đến kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ[2]

1. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chức năng đào tạo nghề lái xe ô tô.

2. Xe tập lái dùng để đào tạo lái xe ô tô, được gắn 02 biển "TẬP LÁI" trước và sau xe theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định này, có thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe trên đường của học viên, có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh, được bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe, xe tập lái loại tải thùng có mui che mưa, che nắng, ghế ngồi cho học viên, có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực.

3. Xe sát hạch dùng để sát hạch lái xe, được gắn 02 biển "SÁT HẠCH" trước và sau xe, có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh, có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực.

4. Lưu lượng đào tạo là số lượng học viên lớn nhất mà cơ sở được phép đào tạo tại một thời điểm, được xác định bằng tổng số học viên đào tạo các hạng giấy phép lái xe, bao gồm cả học viên học lý thuyết và thực hành tại thời điểm xác định lưu lượng đào tạo.

5. Trung tâm sát hạch lái xe là cơ sở được xây dựng phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, cung cấp dịch vụ sát hạch lái xe và được phân loại như sau:

a) Trung tâm sát hạch loại 1: Thực hiện sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F (FB2, FC, FD, FE);

b) Trung tâm sát hạch loại 2: Thực hiện sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3, A4, B1, B2 và hạng C;

c) Trung tâm sát hạch loại 3: Thực hiện sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2, A3 và hạng A4.

---

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

Điều 4.[3] ***(được bãi bỏ)***

Chương II

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH, CẤP VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Điều 5. Điều kiện chung của cơ sở đào tạo lái xe ô tô

1. Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2.[4] *(được bãi bỏ)*

Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Hệ thống phòng học chuyên môn

a) Bao gồm các phòng học lý thuyết và phòng học thực hành, bảo đảm số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với quy mô đào tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô với lưu lượng 500 học viên trở lên phải có ít nhất 02 phòng học Pháp luật giao thông đường bộ và 02 phòng học Kỹ thuật lái xe; với lưu lượng 1.000 học viên trở lên phải có ít nhất 03 phòng học Pháp luật giao thông đường bộ và 03 phòng học Kỹ thuật lái xe;

c) Phòng học Pháp luật giao thông đường bộ: Có thiết bị nghe nhìn (màn hình, máy chiếu), tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, sa hình;

d) Phòng học Cấu tạo và sửa chữa thông thường: Có mô hình cắt bổ động cơ, hệ thống truyền lực; mô hình hệ thống điện; hình hoặc tranh vẽ sơ đồ mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái;

đ)[5] Phòng học Kỹ thuật lái xe: Có phương tiện nghe nhìn phục vụ giảng dạy (băng đĩa, đèn chiếu...); có hình hoặc tranh vẽ mô tả các thao tác lái xe cơ bản (điều chỉnh ghế lái, tư thế ngồi lái, vị trí cầm vô lăng lái...); có xe ô tô được kê kích bảo đảm an toàn để tập số nguội, số nóng (có thể bố trí ở nơi riêng biệt); có thiết bị mô phỏng để đào tạo lái xe;

e) Phòng học Nghiệp vụ vận tải: Có hệ thống bảng, biểu phục vụ giảng dạy nghiệp vụ chuyên môn về vận tải hàng hoá, hành khách; có các tranh vẽ ký hiệu trên kiện hàng;

---

[3] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

g) Phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa: Có hệ thống thông gió và chiếu sáng, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động; nền nhà không rạn nứt, không trơn trượt; có trang bị đồ nghề chuyên dùng để bảo dưỡng sửa chữa; có tổng thành động cơ hoạt động tốt, hệ thống truyền động, hệ thống lái, hệ thống điện; có bàn tháo lắp, bảng, bàn ghế cho giảng dạy, thực tập;

h)[6] *(được bãi bỏ)*

2. Xe tập lái

a)[7] Có xe tập lái các hạng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy lái;

b)[8] *(được bãi bỏ)*

c)[9] *(được bãi bỏ)*

d) Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;

đ)[10] *(được bãi bỏ)*

e)[11] *(được bãi bỏ)*

g)[12] *(được bãi bỏ)*

h)[13] *(được bãi bỏ)*

i)[14] *(được bãi bỏ)*

---

[6] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[8] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[9] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[10] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[11] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[12] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[13] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

k)[15] *(được bãi bỏ)*

3. Sân tập lái xe

a)[16] Thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng đào tạo 1.000 học viên trở lên phải có ít nhất 02 sân tập lái xe theo quy định;

c) Sân tập lái xe ô tô phải có đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đủ tình huống các bài học theo nội dung chương trình đào tạo; kích thước các hình tập lái phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đối với từng hạng xe tương ứng;

d) Mặt sân có cao độ và hệ thống thoát nước bảo đảm không bị ngập nước; bề mặt các làn đường và hình tập lái được thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, có đủ vạch sơn kẻ đường; hình các bài tập lái xe ô tô phải được bó vỉa;

đ) Có nhà chờ, có ghế ngồi cho học viên học thực hành;

e) Diện tích tối thiểu của sân tập lái: Hạng B1 và B2 là 8.000 m^2; hạng B1, B2 và C là 10.000 m^2; hạng B1, B2, C, D, E và F là 14.000 m^2.

4.[17] *(được bãi bỏ)*

Điều 7. Điều kiện về giáo viên[18]

1. Có đội ngũ giáo viên dạy lý thuyết, thực hành đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Nghị định này.

2. Đảm bảo có ít nhất 01 giáo viên dạy thực hành lái xe trên 01 xe tập lái.

Điều 8. Tiêu chuẩn giáo viên dạy lái xe, Giấy chứng nhận và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe ô tô[19]

1. Tiêu chuẩn chung: Giáo viên dạy lái xe phải đáp ứng tiêu chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;

---

[14] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[15] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[16] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[17] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[18] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[19] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

2. Giáo viên dạy lý thuyết phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành ô tô chiếm 30% trở lên, giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe tương ứng hạng xe đào tạo trở lên;

3. Giáo viên dạy thực hành lái xe đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2;

b) Giáo viên dạy các hạng B1, B2 phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 03 năm trở lên, kể từ ngày trúng tuyển; giáo viên dạy các hạng C, D, E và F phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 05 năm trở lên kể từ ngày trúng tuyển;

c) Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành và được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

a) Cục Đường bộ Việt Nam[20] cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho giáo viên thuộc các cơ sở đào tạo thuộc cơ quan trung ương do Bộ Giao thông vận tải giao;

b) Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho giáo viên thuộc các cơ sở đào tạo do địa phương quản lý.

Điều 9. Thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

b) Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

c)[21] *(được bãi bỏ)*

d) Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

đ)[22] *(được bãi bỏ)*

e) 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

2. Trình tự thực hiện

---

[20] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[21] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[22] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

a)[23] Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định này;

b)[24] Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[25] tiếp nhận hồ sơ cá nhân hoặc hồ sơ, danh sách do cơ sở đào tạo lập theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này; trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, tổ chức kiểm tra, đánh giá. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[26] phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[27] cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này. Trường hợp cá nhân không đạt kết quả, Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[28] phải thông báo bằng văn bản.

Điều 10. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

1.[29] Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Hồ sơ bao gồm các thành phần quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 9 của Nghị định này.

2. Trình tự thực hiện

a)[30] Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định này;

---

[23] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[24] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[25] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[26] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[27] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[28] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[29] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[30] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

b) Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[31] tiếp nhận hồ sơ cá nhân hoặc hồ sơ, danh sách do cơ sở đào tạo lập theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[32] phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[33] cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.

Điều 11. Giấy phép xe tập lái và thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái

1. Giấy phép xe tập lái được cơ quan có thẩm quyền cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định này, có thời hạn tương ứng với thời gian được phép lưu hành của xe tập lái.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái

a) Cục Đường bộ Việt Nam[34] cấp giấy phép xe tập lái cho xe tập lái của cơ sở đào tạo thuộc cơ quan Trung ương do Bộ Giao thông vận tải giao;

b) Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép xe tập lái cho xe tập lái của cơ sở đào tạo do địa phương quản lý.

Điều 12. Thủ tục cấp giấy phép xe tập lái

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này;

b) Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức gửi danh sách quy định tại điểm a khoản 1 Điều này kèm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định này;

---

[31] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[32] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[33] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[34] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

b) Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[35] tổ chức kiểm tra cấp giấy phép xe tập lái cho tổ chức đề nghị cấp phép tại thời điểm kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe;

c) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo, Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[36] cấp giấy phép xe tập lái. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trường hợp cấp lại giấy phép xe tập lái hoặc bổ sung xe tập lái: Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ bao gồm các thành phần nêu tại khoản 1 Điều này, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định này.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[37] tổ chức kiểm tra, cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 13. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô và thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cơ quan có thẩm quyền cấp cho cơ sở đào tạo lái xe ô tô đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định này.

2. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định này; được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy phép đào tạo lái xe.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

a) Cục Đường bộ Việt Nam[38] cấp mới, cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo thuộc cơ quan Trung ương do Bộ Giao thông vận tải giao;

b) Sở Giao thông vận tải cấp mới, cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo do địa phương quản lý.

Điều 14. Thủ tục cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Hồ sơ bao gồm:

---

[35] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[36] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[37] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[38] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

a) Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục X kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

c)[39] *(được bãi bỏ)*

d) Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

đ) Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

2. Trình tự thực hiện

a) Sau khi hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư phương tiện, trang thiết bị dạy lái xe theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Nghị định này;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[40] phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

c) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đường bộ Việt Nam[41] chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XI kèm theo Nghị định này và cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 15. Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cấp lại khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo

a) Hồ sơ bao gồm các thành phần quy định tại điểm a, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 14 của Nghị định này (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất);

b) Trình tự thực hiện

---

[39] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[40] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[41] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Nghị định này;

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phối hợp cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XI kèm theo Nghị định này;

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cấp lại khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác

a) Cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 16. Thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Cơ sở đào tạo bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô không thời hạn khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được thành lập hoặc cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô;

b) Không triển khai hoạt động đào tạo lái xe ô tô sau thời hạn 24 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô;

c) Bị đình chỉ tuyển sinh đào tạo lái xe ô tô từ 02 lần trở lên trong thời gian 18 tháng;

d) Giấy phép được cấp không đúng với thẩm quyền;

đ) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên giấy phép được cấp;

e) Cho thuê, mượn giấy phép.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô thực hiện việc thu hồi theo trình tự sau:

a) Ban hành quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô, thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô phải nộp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ quan cấp giấy phép, đồng thời dừng toàn bộ các hoạt động đào tạo lái xe ô tô theo giấy phép đã bị thu hồi ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

Chương III

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH, CẤP VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Điều 17.[42] ***(được bãi bỏ)***

Điều 18. Điều kiện về cơ sở vật chất

1. Điều kiện chung

a) Diện tích trung tâm sát hạch lái xe: Trung tâm loại 1 có diện tích không nhỏ hơn 35.000 m^2; trung tâm loại 2 có diện tích không nhỏ hơn 20.000 m^2; trung tâm loại 3 có diện tích không nhỏ hơn 4.000 m^2;

b)[43] *(được bãi bỏ)*

c)[44] Số lượng xe cơ giới dùng để sát hạch: Sát hạch lái xe trong hình hạng A1, B1, B2 và C tối thiểu mỗi hạng 02 xe, các hạng khác tối thiểu mỗi hạng 01 xe và không được sử dụng vào mục đích kinh doanh khác; sát hạch lái xe trên đường tối thiểu mỗi hạng 01 xe. Xe sát hạch lái xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân có trung tâm sát hạch lái xe.

d) Thiết bị sát hạch lý thuyết: Tối thiểu 02 máy chủ (server); tối thiểu 10 máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3, tối thiểu 20 máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 1 hoặc loại 2;

đ) Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình: Tối thiểu 02 máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch đối với mỗi loại trung tâm sát hạch;

e) Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường: Có ít nhất 02 máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch, 01 máy tính làm chức năng máy chủ và điều hành có đường thuê bao riêng và địa chỉ IP tĩnh.

g)[45] Thiết bị mô phỏng để sát hạch lái xe: Có ít nhất 01 thiết bị được cài đặt phần mềm sát hạch lái xe mô phỏng do Bộ Giao thông vận tải quy định.

2. Điều kiện kỹ thuật

Trung tâm sát hạch phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành gồm: Làn đường, đèn tín hiệu giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ, vạch giới hạn, vỉa hè hình sát hạch, cọc chuẩn và hình các bài sát hạch trong sân sát hạch; xe cơ giới dùng để sát hạch; thiết bị sát hạch lý thuyết;

---

[42] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[43] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[44] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[45] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường; nhà điều hành và công trình phụ trợ khác.

Điều 19. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

1. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động được cơ quan có thẩm quyền cấp cho trung tâm sát hạch lái xe đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 18 của Nghị định này.

2. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục XII kèm theo Nghị định này; được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận hoặc có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng ô tô sử dụng để sát hạch lái xe. Giấy chứng nhận cấp lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận đã cấp trước đó.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hoạt động trung tâm sát hạch lái xe

a) Cục Đường bộ Việt Nam[46] cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2;

b) Sở Giao thông vận tải cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3 trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 20. Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2

1. Hồ sơ bao gồm:

a)[47] Quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

b) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;

c) Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

d) Hồ sơ thiết kế hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động.

---

[46] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[47] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị kèm 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Đường bộ Việt Nam[48];

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam[49] có văn bản chấp thuận gửi tổ chức, cá nhân đồng thời gửi Sở Giao thông vận tải; trường hợp không chấp thuận phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi như đã chấp thuận đề nghị.

Điều 21. Thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động

1. Sau khi xây dựng xong trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam[50] kiểm tra, cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

2. Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Cục Đường bộ Việt Nam[51] phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 22. Thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

b) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

2. Trình tự thực hiện

a) Sau khi xây dựng xong trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Giao thông vận tải đề nghị cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

---

[48] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[49] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[50] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[51] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Điều 23. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

1. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe

a) Trung tâm sát hạch lái xe gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Nghị định này;

b) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Cục Đường bộ Việt Nam[52] phối hợp Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động; Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe được cấp lại khi bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận

a) Trung tâm sát hạch lái xe có văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Nghị định này;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 24. Thu hồi giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

1. Trung tâm sát hạch lái xe bị thu hồi không thời hạn giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;

b) Không triển khai hoạt động sát hạch lái xe sau thời hạn 24 tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe;

c) Bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động từ 02 lần trở lên trong thời gian 18 tháng;

d) Giấy chứng nhận được cấp không đúng thẩm quyền;

đ) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên giấy chứng nhận được cấp;

e) Cho thuê, mượn giấy chứng nhận.

---

[52] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động, thực hiện thu hồi theo trình tự sau:

a) Ban hành quyết định thu hồi, thông báo đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền;

b) Trung tâm sát hạch lái xe phải nộp lại giấy chứng nhận cho cơ quan cấp, đồng thời dừng toàn bộ hoạt động sát hạch lái xe theo giấy chứng nhận đã bị thu hồi ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25.[53] ***(được bãi bỏ)***

Điều 26. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải

a) Quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn đối với hệ thống phòng học, xe tập lái, sân tập lái, giáo trình và chương trình đào tạo;

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định tại Nghị định này.

c)[54] Quy định quy chuẩn, lộ trình trang bị thiết bị mô phỏng để đào tạo, sát hạch lái xe, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên; hướng dẫn việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát thời gian học lý thuyết đối với học viên của các cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

2. Cục Đường bộ Việt Nam[55]

a) Tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định này; chỉ đạo trung tâm sát hạch lái xe thực hiện sát hạch lái xe cho cơ sở đào tạo lái xe ô tô thuộc quyền quản lý;

b) Định kỳ tổ chức kiểm chuẩn các trung tâm sát hạch lái xe, đảm bảo theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ;

c) Công bố và thực hiện cập nhật danh sách các cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe được cấp hoặc bị thu hồi trong toàn quốc trên trang Thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam[56].

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

---

[53] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[54] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[55] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[56] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

a) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo lái xe ô tô, trung tâm sát hạch lái xe;

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định này.

4. Sở Giao thông vận tải

a) Tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định này; chỉ đạo trung tâm sát hạch lái xe thực hiện sát hạch lái xe cho cơ sở đào tạo lái xe ô tô thuộc quyền quản lý. Trường hợp địa phương không có trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động thì tổ chức sát hạch tại địa phương khác;

b) Công bố và thực hiện cập nhật danh sách các cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe được cấp hoặc bị thu hồi trong phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

5. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có trách nhiệm

a) Tổ chức đào tạo mới và nâng hạng giấy phép lái xe theo lưu lượng, thời hạn, địa điểm, hạng giấy phép lái xe ghi trong giấy phép đào tạo lái xe;

b)[57] Duy trì, tăng cường vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy; quản lý đội ngũ giáo viên bảo đảm điều kiện theo quy định; có đủ phương tiện, thiết bị đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ theo quy định của pháp luật; định kỳ 3 năm 1 lần tổ chức tập huấn để nâng cao nghiệp vụ đối với giáo viên dạy thực hành lái xe theo nội dung do Bộ Giao thông vận tải quy định.

6.[58] Trung tâm sát hạch lái xe có trách nhiệm bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm, có đủ phương tiện, thiết bị đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan.

Điều 27. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành[59]

---

[57] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[58] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

[59] Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giáo viên dạy thực hành lái xe đã được cấp giấy chứng nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Nghị định này, phải đáp ứng quy định của Nghị định này trước ngày 01 tháng 7 năm 2019.

2. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động có thời hạn đã cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 được cấp lại khi hết thời hạn sau khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô hoặc dịch vụ sát hạch lái xe.

3. Các cơ sở đào tạo lái xe ô tô, Trung tâm sát hạch lái xe được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực, được tiếp tục hoạt động đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe và phải thực hiện trang bị thiết bị mô phỏng để

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 55 /VBHN-BGTVT

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: Văn thư, PC (2).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ

đào tạo lái xe, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe trên đường của học viên, thiết bị mô phỏng để sát hạch lái xe theo lộ trình do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

Điều 3 của Nghị định số 70/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022 quy định như sau:

*“**Điều 3. Điều khoản thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

2. Nghị định này bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

3. Điều khoản chuyển tiếp

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp lại Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp đổi Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ) đã gửi đến Cục Đường bộ Việt Nam đúng quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021);

b) Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên Giấy chấp thuận, Chứng chỉ;

c) Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy phép xe tập lái, Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

Phụ lục I[60] *(được bãi bỏ)*

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

---

[60] Phụ lục này được bãi bỏ theo theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

Phụ lục II

MẪU BIỂN XE TẬP LÁI

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

TẬP LÁI

1. Biển phía trước nền màu xanh, chữ màu trắng; lắp cố định trên thanh cản bên trái của xe ô tô, có kích thước:
- 10 cm x 25 cm đối với xe các hạng B1, B2, C, D, E, F.

2. Biển phía sau nền màu xanh, chữ màu trắng; lắp cố định giữa thành xe ô tô, không trùng biển số xe, có kích thước:
- 10 cm x 25 cm đối với xe các hạng B1, B2;
- 35 cm x 35 cm đối với xe các hạng C, D, E, F.

Phụ lục III

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng), có dấu giáp lai

Căn cứ Quyết định số...../.....ngày.....tháng.....năm 20..... của Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CHỨNG NHẬN

Ông (Bà):.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số giấy chứng minh nhân dân:.....

Đã hoàn thành khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.....hạng.....

Từ ngày...../...../.....đến ngày ...../...../.....

Số GCN:.....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

Quy cách:

- Kích thước: 150 mm x 200 mm;
- Chữ "CHỨNG NHẬN": phông chữ Times New Roman in hoa, đậm, cỡ chữ 21.

Phụ lục IV[61]
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE
(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Tôi là:.....Quốc tịch:.....
Sinh ngày:.....tháng .....năm.....Nam, Nữ.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
.....
Nơi cư trú:.....
Có giấy chứng minh nhân dân số:....., cấp ngày.....tháng…năm.....
Nơi cấp:.....
Có giấy phép lái xe số:....., hạng.....do:.....
cấp ngày.....tháng.....năm.....

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng.....

Gửi kèm theo:

- 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;
- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày..... tháng.....năm 20....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[61] Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục IV theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 138/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

Phụ lục V

MẪU DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho *(số lượng)* giáo viên được tham dự tập huấn để cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Giấy phép lái xe			Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm	Hạng	Ngày trúng tuyển	Thâm niên	

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VI

MẪU DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH
ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH, ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Đơn vị công tác	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Giấy phép lái xe			Ghi chú
					Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm	Hạng	Ngày trúng tuyển	Thâm niên	

....., ngày..... tháng.....năm 20.....

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

Phụ lục VII

MẪU GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

Kích thước: 120 mm x 180 mm.

1. Mặt trước:

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số:...../.....

Cấp cho xe biển số:.....Loại phương tiện:.....

Nhãn hiệu xe:.....Màu sơn:.....

Cơ sở đào tạo:.....

Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (Quốc lộ, Tỉnh lộ, từ....đến:.....)

Có giá trị:

Từ ngày...../……../….....

Đến ngày...../...../.....

(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng).

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.....

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

2. Mặt sau: In chữ "TẬP LÁI" theo phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

TẬP LÁI

Phụ lục VIII

MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm).....đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

....., ngày..... tháng.....năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IX

MẪU GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....*

GIẤY PHÉP

ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số ...../ ..... /NĐ-CP ngày..../..... /..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định số..... ngày ..... / ..... / ..... của cơ quan có thẩm quyền về việc .....;

Theo đề nghị của .....,

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:.....
2. Địa chỉ:.....
- Điện thoại ..... - Fax:.....
3. Cơ quan quản lý trực tiếp:.....
4. Được phép đào tạo:
- Hạng:.....
- Lưu lượng: .....
5. Địa điểm đào tạo:.....

Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục X

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

.....

Điện thoại:.....Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số..... ngày ..... / ..... / ..... của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm.....loại xe (xe con, xe tải.....tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số.....ngày ..... / ..... / ..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được..... học sinh, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo.....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m^2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:.....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
3													
…													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chủng loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích:..... m^2.

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XI

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA XÉT CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
XÉT CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Ngày ...../..... /....., Đoàn kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe được thành lập tại Quyết định số:.....ngày ...../..... /..... của cơ quan có thẩm quyền....., đã tiến hành kiểm tra theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe:.....

Thành phần Đoàn gồm có:

1. Ông (Bà)..... Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền - Trưởng Đoàn.
2. Ông (Bà)..... Trưởng (Phó) phòng.....cơ quan có thẩm quyền.
3. Ông (Bà)..... Đại diện Cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp.
4. Ông (Bà)..... Chuyên viên Phòng ..... - Thư ký.

Thành phần Cơ sở đào tạo lái xe gồm có:

1. Ông (Bà): .....
2. Ông (Bà): .....
3. Ông (Bà): .....

Kết quả kiểm tra như sau:

1. Phòng học Luật Giao thông đường bộ:

.....

.....

2. Phòng học Cấu tạo và Sửa chữa thông thường:

.....

.....

3. Phòng học Nghiệp vụ vận tải:

.....

.....

4. Phòng học Kỹ thuật lái xe:

.....

.....

5. Phòng học Thực tập bảo dưỡng, sửa chữa:

.....

.....

6. Các phòng học khác:

.....

.....

7. Giáo viên có.....người đủ tiêu chuẩn, trong đó:

- Giáo viên dạy lý thuyết.....người (danh sách trích ngang, hồ sơ kèm theo);
- Giáo viên dạy thực hành lái xe.....người (danh sách trích ngang, hồ sơ kèm theo).

8. Xe tập lái có.....xe (kèm theo danh sách, giấy đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy phép xe tập lái) đủ tiêu chuẩn, trong đó:

- Xe hạng B:.....chiếc;
- Xe hạng C:.....chiếc;
- Xe hạng D:.....chiếc;
- Xe hạng E:.....chiếc;
- Xe hạng F:.....chiếc.

9. Sân tập lái có.....sân với diện tích.....m^2, được thảm nhựa (bê tông, ghi rõ các điều kiện khác), đủ (không đủ) điều kiện dạy lái.

10. Đường tập lái xe là đường (ghi rõ tên đường)..... đủ giảng dạy, tập lái theo nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định.

Với kết quả kiểm tra trên, đề nghị Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền, cấp giấy phép đào tạo lái xe các hạng, với lưu lượng:.....học viên (trong đó, hạng B:....., hạng C:....., hạng D:....., hạng E:....., hạng F:.....).

Tên cơ sở đào tạo:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....

Cơ quan trực tiếp quản lý:.....

Họ tên Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc):.....

TRƯỞNG ĐOÀN *(Ký và ghi rõ họ, tên)*	**THƯ KÝ** *(Ký và ghi rõ họ, tên)*
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ DẠY NGHỀ *(Ký và ghi rõ họ, tên)*	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục XII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN

TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

GIẤY CHỨNG NHẬN

TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số ...../..... /NĐ-CP ...../..... /..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (QCVN...../BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số ...../..... /TT-BGTVT ngày .... /..... /..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Biên bản kiểm tra Trung tâm sát hạch lái xe.....của Đoàn kiểm tra ngày ..... /...../.....;

Xét đề nghị của Trung tâm sát hạch lái xe.....tại văn bản số..... ngày ..... /..... /..... về việc kiểm tra, xác nhận trung tâm sát hạch lái xe;

Theo đề nghị của Trưởng phòng .....,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Cấp giấy chứng nhận cho: TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE...

1. Địa chỉ:

- Điện thoại: - Fax:

2. Cơ quan quản lý hoạt động trực tiếp:

3. Trung tâm sát hạch lái xe.....là trung tâm sát hạch loại … , sử dụng thiết bị sát hạch của ....., có đủ điều kiện sát hạch lái xe các hạng:....., được sử dụng ..... xe sát hạch (có danh sách xe sát hạch kèm theo).

Trung tâm sát hạch lái xe phải xuất trình Giấy chứng nhận này với cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe đến tổ chức sát hạch và chịu sự kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số..... của cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho Trung tâm (đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận)./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH XE SÁT HẠCH ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG

(Kèm theo Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động số…../…….. ngày ….. tháng….. năm)

TT	Nhãn hiệu xe	Ký hiệu xe sát hạch	Biển số	Hạng xe sát hạch	Nội dung sát hạch